BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

HỆ : Chính quy tập trung — ***KHÓA 2018***

BẬC: Đại học

NGÀNH ĐÀO TẠO : **Việt Nam học** (4 năm)

KHOA: Lịch sử (ban hành kèm theo Quyết định số 575/QĐ-ĐT ngày 06/6/2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP-ĐHĐN)

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ			Học phần h.trước/t.quyết	Khoa Giảng dạy
			TC	LT	TH		
		KHỐI KIẾN THỨC CHUNG					
1	212 2 1512	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin (1)	2	2	0		
2	213 3 1513	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin (2)	3	3	0	212 2 1512	
3	213 2 1922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	213 3 1513	
4	212 3 1225	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	0	213 2 1922	
5	312 2 1885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	2	1	1		
6	412 3 1858	Tiếng Anh A2.1	3	3	0		
7	412 4 1859	Tiếng Anh A2.2	4	4	0	412 3 1858*	
8	316 2 1549	Pháp luật đại cương	2	2	0	212 2 1512	
9	001 0 1265	*Giáo dục thể chất 1*	(1)	0	(1)		
10	001 0 1266	*Giáo dục thể chất 2*	(1)	0	(1)		
11	001 0 1267	*Giáo dục thể chất 3*	(1)	0	(1)		
12	001 0 1268	*Giáo dục thể chất 4*	(1)	0	(1)		
13	001 0 1269	*Giáo dục thể chất 5*	(1)	0	(1)		
14	002 0 1264	*Giáo dục quốc phòng*	(4t)				
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI	**21**	**20**	**1**		
		KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ VÀ NGÀNH					
15	318 2 1132	Đại cương dân tộc học và các tộc người ở Việt Nam	2	2	0		
16	317 3 1879	Tiếp xúc văn hoá Đông – Tây ở Việt Nam	3	3	0		
17	317 3 1420	Lịch sử văn học Việt Nam	3	3	0		
18	318 3 1424	Lịch sử Việt Nam đại cương	3	3	0		
19	318 2 1078	Cơ sở khảo cổ học	2	2	0		
20	317 2 1873	Tiếng Việt thực hành	2	2	0		
21	318 2 1409	Lịch sử kiến trúc Việt Nam	2	2	0		
22	316 2 1405	Lịch sử âm nhạc Việt Nam	2	2	0		
23	318 2 1410	Lịch sử mỹ thuật Việt Nam	2	2	0		
24	318 3 1418	Lịch sử tư tưởng phương Đông	3	3	0	318 2 1416	
25	318 3 1888	Tín ngưỡng và các tôn giáo ở Việt Nam	3	3	0	318 3 1424	
26	318 3 1561	Phong tục, tập quán và lễ hội Việt Nam	3	3	0	317 3 1091	
27	318 3 1943	Văn hoá Chămpa	3	3	0		
28	318 3 1946	Văn hóa du lịch	3	3	0	318 2 1505	
29	318 3 1939	Văn hoá ẩm thực Việt Nam	3	3	0	317 3 1091	
30	318 2 1945	Văn hóa Đông Nam Á	2	2	0	318 3 1421	
31	317 2 1949	Văn hóa miền Trung - Tây Nguyên	2	2	0		
32	318 3 1421	Lịch sử văn minh thế giới	3	3	0		
33	317 3 1091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	3	0		
34	318 2 1849	Thực tế chuyên môn	2	0	2		
35	318 2 1359	Kiến tập chuyên môn	2	0	2		
36	303 3 1847	Thực tập tốt nghiệp	3	0	3		
37	318 2 1741	Thể chế chính trị Việt Nam hiện đại	2	2	0		K.Lịch sử
38	319 3 1191	Địa lý Việt Nam	3	3	0		
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI	**61**	**54**	**7**		
		KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH HOẶC NGHIỆP VỤ					
39	318 2 1416	Lịch sử thế giới đại cương	2	2	0		
40	318 2 1505	Nhập môn khoa học du lịch	2	2	0		
41	318 2 1592	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học chuyên ngành	2	2	0		
42	318 2 1708	Tài nguyên du lịch	2	2	0	318 2 1505	
43	318 2 1661	Quy hoạch du lịch	2	2	0		
44	318 2 1740	Thanh toán quốc tế	2	2	0	318 2 1505	
45	318 2 1551	Phát triển du lịch bền vững	2	2	0		
46	318 3 1366	Kinh tế du lịch	3	3	0	318 2 1505	
47	318 2 1058	Chính sách và pháp lệnh du lịch	2	2	0		
48	318 2 1913	Tổng quan ngành lưu trú	2	2	0	318 2 1505	K. Lịch sử

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ			Học phần h.trước/t.quyết	Khoa Giảng dạy
			TC	LT	TH		
49	318 3 1457	Marketing du lịch	3	3	0	318 2 1505	
50	318 3 1657	Quản trị kinh doanh lữ hành	3	3	0	318 2 1505	
51	318 4 1487	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	4	4	0	318 2 1505	
52	318 2 1898	Tổ chức sự kiện	2	2	0		
53	318 2 1484	Nghệ thuật giao tiếp trong kinh doanh du lịch	2	2	0		
54	318 3 1488	Nghiệp vụ khách sạn	3	3	0		
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI	**38**	**38**	**0**		
		HỌC PHẦN TỰ CHỌN					
55	318 2 1850	*Thực tế chuyên môn 2*	2	2	0		
56	318 3 1221	*Du lịch làng nghề*	3	3	0	318 2 1505	
57	318 3 1768	*Thống kê ứng dụng trong du lịch*	3	3	0		
58	318 3 1486	*Nghiệp vụ điều hành tour*	3	3	0		
59	319 3 1222	*Du lịch sinh thái*	3	3	0		
60	318 3 1749	*Thị trường du lịch*	3	3	0	318 2 1505	
61	318 3 1037	*Các nền văn minh thời cổ trung đại trên đất nước Việt Nam*	3	3	0		
62	319 3 1169	*Địa danh học và địa danh Việt Nam*	3	3	0		
63	318 3 1941	*Văn hóa biển đảo ở Việt Nam*	3	3	0	317 3 1091	
64	318 3 1944	*Văn hóa dân tộc thiểu số ở Việt Nam*	3	3	0		
65	303 6 1338	*Khóa luận tốt nghiệp*	6	0	6		
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI	**35**	**29**	**6**		
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			**155**				
Tổng số tín chỉ bắt buộc			**120**				
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			**15**				

Ghi chú: *- Không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng và phần Ngoại ngữ đạt chuẩn đầu ra*
*- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu **

Điều kiện tốt nghiệp:

Phải tích lũy tối thiểu 135 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc

Đạt chuẩn đầu ra Tin học

Đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ tương đương trình độ Bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Duy Phương

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

PGS.TS. LƯU TRANG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

HỆ : Chính quy tập trung — ***KHÓA 2018***

BẬC: Đại học

NGÀNH ĐÀO TẠO : **Việt Nam học** (4 năm)

KHOA: Lịch sử (ban hành kèm theo Quyết định số 575/QĐ-ĐT ngày 06/6/2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP-ĐHĐN)

HỌC KỲ	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ			Học phần h.trước/t.quyết	Ghi chú
			TC	LT	TH		
1	318 2 1505	Nhập môn khoa học du lịch	2	2	0		
	317 3 1091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	3	0		
	318 2 1416	Lịch sử thế giới đại cương	2	2	0		
	318 2 1132	Đại cương dân tộc học và các tộc người ở Việt Nam	2	2	0		
	318 3 1424	Lịch sử Việt Nam đại cương	3	3	0		
	318 3 1939	Văn hoá ẩm thực Việt Nam	3	3	0	317 3 1091	
		Học phần tự chọn					
	001 0 1265	*Giáo dục thể chất 1*	(1)	0	(1)		
		Tổng số tín chỉ trong học kỳ :	**15**	**15**	**0**		
2	212 2 1512	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin (1)	2	2	0		
	412 3 1858	Tiếng Anh A2.1	3	3	0		
	318 3 1421	Lịch sử văn minh thế giới	3	3	0		
	318 2 1078	Cơ sở khảo cổ học	2	2	0		
	312 2 1885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	2	1	1		
	318 2 1484	Nghệ thuật giao tiếp trong kinh doanh du lịch	2	2	0		
	318 2 1708	Tài nguyên du lịch	2	2	0	318 2 1505	
		Học phần tự chọn:					
	001 0 1266	*Giáo dục thể chất 2*	(1)	0	(1)		
	318 3 1944	*Văn hóa dân tộc thiểu số ở Việt Nam*	3	3	0		
	318 3 1221	*Du lịch làng nghề*	*3*	*3*	*0*	318 2 1505	
	002 0 1264	*Giáo dục quốc phòng*	*(4t)*	*0*	*0*		
		Tổng số tín chỉ trong học kỳ :	**22**	**21**	**1**		
3	213 3 1513	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin (2)	3	3	0	212 2 1512	
	316 2 1549	Pháp luật đại cương	2	2	0	212 2 1512	
	412 4 1859	Tiếng Anh A2.2	4	4	0	412 3 1858*	
	318 2 1592	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học chuyên ngành	2	2	0		
	319 3 1191	Địa lý Việt Nam	3	3	0		
	318 2 1945	Văn hóa Đông Nam Á	2	2	0	318 3 1421	
	318 3 1366	Kinh tế du lịch	3	3	0	318 2 1505	
	318 2 1551	Phát triển du lịch bền vững	2	2	0		
		Học phần tự chọn:					
	001 0 1267	*Giáo dục thể chất 3*	*(1)*	*0*	*(1)*		
	318 3 1768	*Thống kê ứng dụng trong du lịch*	3	3	0		
		Tổng số tín chỉ trong học kỳ :	**24**	**24**	**0**		
4	213 2 1922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	213 3 1513	
	318 4 1487	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	4	4	*0*	318 2 1505	
	317 2 1873	Tiếng Việt thực hành	2	2	0		
	318 3 1657	Quản trị kinh doanh lữ hành	3	3	0	318 2 1505	
	318 2 1913	Tổng quan ngành lưu trú	2	2	0	318 2 1505	
	318 2 1849	Thực tế chuyên môn	2	0	2		
	318 3 1943	Văn hoá Chămpa	3	3	0		
	318 3 1561	Phong tục, tập quán và lễ hội Việt Nam	3	3	0	317 3 1091	
		Học phần tự chọn:					
	001 0 1268	*Giáo dục thể chất 4*	(1)	0	(1)		
	318 3 1941	*Văn hóa biển đảo ở Việt Nam*	*3*	*3*	*0*	317 3 1091	
		Tổng số tín chỉ trong học kỳ :	**24**	**22**	**2**		

HỌC KỲ	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ			Học phần h.trước/t.quyết	Ghi chú
			TC	LT	TH		
5	212 3 1225	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	0	213 2 1922	
	316 2 1405	Lịch sử âm nhạc Việt Nam	2	2	0		
	318 3 1457	Marketing du lịch	3	3	0	318 2 1505	
	318 3 1888	Tín ngưỡng và các tôn giáo ở Việt Nam	3	3	0	318 3 1424	
	317 3 1879	Tiếp xúc văn hoá Đông – Tây ở Việt Nam	3	3	0		
	318 2 1359	Kiến tập chuyên môn	2	0	2		
	318 2 1740	Thanh toán quốc tế	2	2	0	318 2 1505	
		Học phần tự chọn:					
	001 0 1269	*Giáo dục thể chất 5*	(1)	0	(1)		
	318 3 1486	*Nghiệp vụ điều hành tour*	*3*	*3*	*0*		
	318 3 1037	*Các nền văn minh thời cổ trung đại trên đất nước Việt Nam*	*3*	*3*	*0*		
		Tổng số tín chỉ trong học kỳ :	**24**	**22**	**2**		
6	318 2 1661	Quy hoạch du lịch	2	2	0		
	317 3 1420	Lịch sử văn học Việt Nam	3	3	0		
	318 3 1946	Văn hóa du lịch	3	3	0	318 2 1505	
	318 3 1488	Nghiệp vụ khách sạn	3	3	0		
	318 2 1410	Lịch sử mỹ thuật Việt Nam	2	2	0		
	318 2 1741	Thể chế chính trị Việt Nam hiện đại	2	2	0		
	318 2 1058	Chính sách và pháp lệnh du lịch	2	2	0		
	317 2 1949	Văn hóa miền Trung - Tây Nguyên	2	2	0		
		Học phần tự chọn:					
	318 2 1850	*Thực tế chuyên môn 2*	*2*	*2*	*0*		
	318 3 1749	*Thị trường du lịch*	*3*	*3*	*0*	318 2 1505	
		Tổng số tín chỉ trong học kỳ :	**24**	**24**	**0**		
7	318 2 1409	Lịch sử kiến trúc Việt Nam	2	2	0		
	318 2 1898	Tổ chức sự kiện	2	2	0		
	318 3 1418	Lịch sử tư tưởng phương Đông	3	3	0	318 2 1416	
	303 3 1847	Thực tập tốt nghiệp	3	0	3		
		Học phần tự chọn:					
	303 6 1338	*Khóa luận tốt nghiệp*	*6*	*0*	*6*		
	319 3 1222	*Du lịch sinh thái*	*3*	*3*	*0*		
	319 3 1169	*Địa danh học và địa danh Việt Nam*	*3*	*3*	*0*		
		Tổng số tín chỉ trong học kỳ :	**22**	**13**	**9**		

Ghi chú: *- Không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng và phần Ngoại ngữ đạt chuẩn đầu ra*
*- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu **

Điều kiện tốt nghiệp:

Phải tích lũy tối thiểu 135 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc

Đạt chuẩn đầu ra Tin học

Đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ tương đương trình độ Bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Duy Phương

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

PGS.TS. LƯU TRANG